

QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ MỚI XÃ HIỆP LỰC, HUYỆN NINH GIANG,
TỈNH HẢI DƯƠNG, TỶ LỆ 1/500

(Ban hành kèm theo Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang).

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN

HUYỆN NINH GIANG



**CHỦ TỊCH
PHAN NHẬT THANH**

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TÀNG



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN HOÀI THU**

CƠ QUAN TỔ CHỨC

LẬP QUY HOẠCH

UBND XÃ HIỆP LỰC



**CHỦ TỊCH
LÊ LƯƠNG HƯỜNG,**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TRUNG TÂM QUY HOẠCH

ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN QUÝ**

CHƯƠNG I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý quy hoạch, xây dựng, sử dụng các công trình theo đúng đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang phê duyệt tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày...../...../2024.

Điều 2. Ngoài những điều nêu trong quy định này, việc quản lý xây dựng các hạng mục trong đồ án còn phải tuân thủ các quy định khác của nhà nước hiện hành.

Điều 3. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy định này phải được các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Các phòng ban của huyện, UBND xã Hiệp Lực, giúp UBND huyện hướng dẫn việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đúng những quy định này.

CHƯƠNG II:

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5: Ranh giới, phạm vi khu dân cư:

- Phía Đông Bắc giáp Trung tâm y tế huyện Ninh Giang, dân cư hiện có thị trấn Ninh Giang;

- Phía Đông Nam giáp ruộng canh tác xã Hiệp Lực;

- Phía Tây Bắc giáp đường huyện;

- Phía Tây Nam giáp ruộng canh tác và dân cư hiện có xã Hiệp Lực.

Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch khoảng: 216.196 m². Trong đó:

- Phân khu 1: 185.837,2 m².

- Phân khu 2: 30.358,8 m².

Điều 6: Vị trí, ranh giới, chức năng, quy mô các lô đất

Khu vực quy hoạch bao gồm các lô đất như sau: đất nhà ở, đất nhà văn hóa, đất giáo dục, đất cây xanh công cộng, đất thể dục thể thao, đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đất bãi đỗ xe, đất giao thông... được phân chức năng và có quy mô như sau:

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỈ LỆ (%)
I	DIỆN TÍCH THỰC HIỆN DỰ ÁN	215.423,8	100,00
1	ĐẤT Ở	55.836,2	25,92
1.1	ĐẤT Ở LIÊN KẾ (498 lô)	49.299,6	22,89
1.2	ĐẤT Ở NHÀ VƯỜN (21 lô)	6.536,6	3,03
2	ĐẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI	2.527,1	1,17
3	ĐẤT CÔNG CỘNG	2.540,0	1,18
4	ĐẤT THỂ THAO	5.460,1	2,54

5	ĐẤT GIÁO DỤC	2.579,8	1,20
6	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG	31.323,1	14,54
7	ĐẤT MẶT NƯỚC	4.886,8	2,27
8	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	6.641,9	3,08
9	ĐẤT THỦY LỢI	8.594,6	3,99
10	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	8.107,8	3,76
10.1	ĐẤT ĐẦU MỐI HTKT	3.314,8	1,54
10.2	ĐẤT RÃNH HẠ TẦNG	4.793,0	2,22
11	ĐẤT GIAO THÔNG	86.926,4	40,35
II	DIỆN TÍCH ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	772,2	
TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH		216.196,0	

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT PHÂN KHU 1			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỈ LỆ (%)
I	DIỆN TÍCH THỰC HIỆN DỰ ÁN	185.065,0	100,00
1	ĐẤT Ở	47.210,1	25,51
1.1	ĐẤT Ở LIÊN KẾ (411 lô)	40.673,5	21,98
1.2	ĐẤT Ở NHÀ VƯỜN (21 lô)	6.536,6	3,53
2	ĐẤT DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI	2.527,1	1,37
3	ĐẤT CÔNG CỘNG	2.540,0	1,37
4	ĐẤT THỂ THAO	5.460,1	2,95
5	ĐẤT GIÁO DỤC	2.579,8	1,39
6	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG	23.823,1	12,87
7	ĐẤT MẶT NƯỚC	4.886,8	2,64
8	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	4.471,9	2,42
9	ĐẤT THỦY LỢI	8.594,6	4,64
10	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	7.051,0	3,81
10.1	ĐẤT ĐẦU MỐI HTKT	3.314,8	1,79
10.2	ĐẤT RÃNH HẠ TẦNG	3.736,2	2,02
11	ĐẤT GIAO THÔNG	75.920,5	41,03
II	DIỆN TÍCH ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	772,2	
TỔNG DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH		185.837,2	

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT PHÂN KHU 2			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỈ LỆ (%)
1	ĐẤT Ở	8.626,1	28,41
1.1	ĐẤT Ở LIÊN KẾ (87 lô)	8.626,1	28,41
2	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG	7.500,0	24,71
3	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	2.170,0	7,15
4	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	1.056,8	3,48
4.1	ĐẤT RÃNH HẠ TẦNG	1.056,8	3,48
5	ĐẤT GIAO THÔNG	11.005,9	36,25
TỔNG CỘNG		30.358,8	100,00

Điều 7: Chỉ tiêu về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, cốt xây dựng đối với từng lô đất; chiều cao, cốt sàn, hình thức kiến trúc và hàng rào công trình, vật liệu xây dựng của các công trình.

a. Nhà ở

- Nhà ở liền kề

+ Mật độ xây dựng 72,4-100% tùy từng vị trí

+ Hệ số sử dụng đất 3,6-5,0 tùy từng vị trí.

+ Cốt xây dựng: +1.8 đến +2.35

+ Chiều cao công trình: đối với nhà ở liền kề (không tính tầng tum thang): tối đa 05 tầng, chiều cao công trình tối đa 18,3m. Cốt sàn tầng một cao 3,9m; các tầng 2+3+4 +5 cao 3,6m;

- Nhà ở nhà vườn, biệt thự

+ Mật độ xây dựng 55-64,5% tùy từng vị trí

+ Hệ số sử dụng đất 1,70-1,90 tùy từng vị trí.

+ Cốt xây dựng: +1.70 đến +1.90

+ Chiều cao công trình: đối với nhà vườn: tối đa 03 tầng + 1 tum chiều cao công trình tối đa 14,7m. Cốt sàn tầng một cao 3,9m; các tầng còn lại cao 3,6m;

- Hình thức kiến trúc và hàng rào công trình:

+ Đồng nhất trên cùng một tuyến phố.

+ Xây dựng nhà ở tại vị trí góc ô phố: Hình thức kiến trúc công trình phải được bố trí hài hoà, phù hợp với cảnh quan khu vực và kiến trúc công trình xung quanh. Phần tiếp giáp với 2 tuyến đường cần tuân thủ theo góc vát vĩa hè đã được quy định trong từng ô đất.

+ Hình khối kiến trúc bố trí hài hòa, phù hợp với cảnh quan khu vực; đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng.

+ Cao độ nền: cao hơn so với mặt hè đường hoàn thiện 30cm

+ Kích thước ban công: độ vưon tối đa 1,2m;

+ Không bố trí hàng rào đối với nhà ở liền kề.

- Vật liệu xây dựng công trình.

+ Không sử dụng những loại vật liệu có độ phản quang lớn để trang trí bề mặt công trình. Vật liệu và màu sắc trang trí cho công trình phải phù hợp, hài hòa với cảnh quan chung toàn tuyến phố.

+ Không được gắn các hình tượng trang trí trên mái nhà, ban công.

b. Công trình dịch vụ thương mại

- Mật độ xây dựng: 60%

- Hệ số sử dụng đất: từ 3 - 4.2 tùy tầng cao công trình.

- Cốt xây dựng: +1.80 đến +1.85

- Chiều cao công trình: từ 3-7 tầng.

- Hình thức kiến trúc và hàng rào công trình:

đổi so với quy định, cần được xem xét theo thiết kế cụ thể đảm bảo nguyên tắc: không vượt quá chỉ tiêu cho phép tại Quy chuẩn xây dựng và Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và phải được cấp thẩm quyền cho phép.

- Bố trí đủ chỗ đỗ xe theo quy định (diện tích tối thiểu cho 1 chỗ đỗ xe là: ô tô con 25m^2 , ô tô buýt 40m^2 , ô tô tải 30m^2 , xe máy 3m^2 , xe đạp $0,9\text{m}^2$).

- Cao độ nền công trình chênh cao so với vỉa hè tối đa là $0,75\text{m}$ (nếu không có tầng hầm) và không lớn hơn $2,5\text{m}$ (nếu có tầng hầm). Cao độ san nền sân, đường nội bộ khi hoàn thiện khớp nối với cao độ vỉa hè.

- Với lô đất tại vị trí góc phố: công trình xây dựng phải được cắt vát góc theo quy định.

- Chỉ được mở 01 lối ra vào công trình tiếp giáp mặt đường. Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng chung 1 công trình hoặc chung khuôn viên đất, vẫn phải sử dụng chung 01 lối ra vào công trình hoặc khuôn viên đất (trừ trường hợp đặc biệt được cấp thẩm quyền cho phép).

- Khuyến khích không xây tường rào; tường rào (nếu có) phải có hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa $2,0\text{m}$ (trong đó chiều cao tường xây đặc không quá $0,8\text{m}$).

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần đảm bảo các quy định có liên quan tại Quy định này và những Tiêu chuẩn chuyên ngành, cốt san nền theo yêu cầu thiết kế, xây dựng hệ thống thoát nước cùng với hệ thống chiếu sáng và sân đường dạo.

c. Nhà văn hóa

- Mật độ xây dựng: 40%

- Hệ số sử dụng đất: 0,4.

- Cốt xây dựng: $+1.80$ đến $+1.95$

- Chiều cao công trình: từ 1 tầng, chiều cao công trình tối đa 8m .

- Hình thức kiến trúc và hàng rào công trình:

- + Cao độ nền cao hơn so với mặt hè đường hoàn thiện 75cm

- + Chỉ được mở 01 lối ra vào công trình tiếp giáp mặt đường.

- + Hình khối kiến trúc bố trí hài hòa, phù hợp với cảnh quan khu vực; đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng.

- + Đối với nhà văn hóa khuyến khích không xây tường rào; Tường rào (nếu có) phải có hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa $2,0\text{m}$ (trong đó chiều cao tường xây đặc không quá $0,8\text{m}$).

- Vật liệu xây dựng công trình.

- + Không sử dụng những loại vật liệu có độ phản quang lớn để trang trí bề mặt công trình. Vật liệu và màu sắc trang trí cho công trình phải phù hợp, hài hòa với cảnh quan chung toàn tuyến phố.

- + Không được gắn các hình tượng trang trí trên mái nhà, ban công.

d. Đất giáo dục

- Mật độ xây dựng: 40%
- Cốt xây dựng: +1.80 đến +1.95
- Chiều cao công trình: từ 2-3 tầng.
- Hình thức kiến trúc và hàng rào công trình:
 - + Cao độ nền cao hơn so với mặt hè đường hoàn thiện 75cm
 - + Hình khối kiến trúc bố trí hài hòa, phù hợp với cảnh quan khu vực; đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng.
- + Tường rào (nếu có) phải có hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa 2,0m (trong đó chiều cao tường xây đặc không quá 0,8m).
- Vật liệu xây dựng công trình.
- + Không sử dụng những loại vật liệu có độ phản quang lớn để trang trí bề mặt công trình. Vật liệu và màu sắc trang trí cho công trình phải phù hợp, hài hòa với cảnh quan chung toàn tuyến phố.

+ Không được gắn các hình tượng trang trí trên mái nhà, ban công.

e. Khu cây xanh, thể thao công cộng

- Mật độ xây dựng: 10%
- Hệ số sử dụng đất: 0,1.
- Cốt xây dựng: +1.8 đến +2.00
- Vật liệu xây dựng:
 - + Thiết kế đường đường dạo xung quanh khu vực cây xanh.
 - + Việc trồng cây, hoa trong khu cây xanh theo phân nhóm sau:
 - * Cây thân gỗ (lấy bóng mát): sử dụng loại cây thân thẳng, không phân nhánh ngang, chiều cao từ 7 đến 10m.
 - * Nhóm cây bụi: sử dụng các loại cây để tạo hình như ngâu, tùng, cọ...
 - * Nhóm cây có hoa: sử dụng loại cây có sức sống khỏe, không tốn nhiều công chăm sóc, có hoa quanh năm như: lan ý, lan đỏ, hồng môn... kết hợp với các loại cây có lá đẹp.

g. Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Mật độ xây dựng: 70%
- Hệ số sử dụng đất: 0,7
- Cốt xây dựng: +1.80 đến +2.00
- Hình thức kiến trúc và hàng rào công trình:
 - + Chỉ được mở 01 lối ra vào công trình tiếp giáp mặt đường.
 - + Hình khối kiến trúc: không quy định.
 - + Không khuyến khích xây tường rào; Tường rào (nếu có) phải có hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa 2,0m (trong đó chiều cao tường xây đặc không quá 0,8m).

- Vật liệu xây dựng công trình.

+ Không sử dụng những loại vật liệu có độ phản quang lớn để trang trí bề mặt công trình. Vật liệu và màu sắc trang trí cho công trình phải phù hợp, hài hòa với cảnh quan chung toàn tuyến phố.

h. Bãi đỗ xe

- Mật độ xây dựng: 0%

- Hệ số sử dụng đất: 0

- Cốt xây dựng: +1.80 đến +1.90

Điều 8. Quy định về quản lý chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường

* Đường trục chính: Chi tiết mặt cắt ngang (MC 1-1) gồm có thành phần như sau:

- Mặt đường: 7,5 m x 2 = 15m.

- Dải phân cách: 3m

- Hè đường: 5,0m x 2 = 10,0 m.

- Chỉ giới đường đỏ 28m

- Chỉ giới xây dựng xác định theo từng lô đất (theo bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT)

* Tuyến đường huyện đi trung tâm xã: Chi tiết mặt cắt ngang (MC 4-4) gồm có thành phần như sau:

- Mặt đường: 9,0m.

- Hè đường: 5,0m + 6,5m (*khu vực quy hoạch*) = 11,5m.

- Chỉ giới đường đỏ: 20,5m.

- Chỉ giới xây dựng: xác định theo từng lô đất (theo bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT)

- Vía hè đường lát gạch phục vụ người đi bộ, ngoài ra kết hợp bố trí đèn chiếu sáng, trồng cây xanh và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

* Các tuyến đường nội bộ khác trong khu quy hoạch:

Chi tiết mặt cắt ngang: MC 2-2 gồm các thành phần như sau:

- Mặt đường: 2x5,25m = 10,5 m.

- Hè đường: 5,0m x 2 = 10,0 m.

- Chỉ giới đường đỏ: 20,5m (10,25m từ tim đường).

- Chỉ giới xây dựng: xác định theo từng lô đất (theo bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT)

Chi tiết mặt cắt ngang: MC 3-3 gồm các thành phần như sau:

- Mặt đường: $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{ m}$.
- Hè đường: $4,0\text{m} \times 2 = 8,0\text{ m}$.
- Chỉ giới đường đỏ: $15,5\text{m}$ ($7,75\text{m}$ từ tim đường).
- Chỉ giới xây dựng: xác định theo từng lô đất (theo bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT)

Chi tiết mặt cắt ngang: MC 5-5 gồm các thành phần như sau:

- Mặt đường: $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{ m}$.
- Hè đường: $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{ m}$.
- Chỉ giới đường đỏ: $17,5\text{m}$ ($8,75\text{m}$ từ tim đường).
- Chỉ giới xây dựng: xác định theo từng lô đất (theo bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT)

Chi tiết mặt cắt ngang: MC 6-6 gồm các thành phần như sau:

- Mặt đường: $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{ m}$.
- Hè đường: $3,0\text{m} + 4,0\text{m} = 7,0\text{ m}$.
- Chỉ giới đường đỏ: $14,5\text{m}$.
- Chỉ giới xây dựng: xác định theo từng lô đất (theo bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến HTKT)

Chi tiết mặt cắt ngang: MC 7-7 có chỉ giới $11,5\text{m}$ gồm các thành phần như sau:

- Mặt đường: $5,5\text{m}$.
- Hè đường: $3,0\text{m} \times 2 = 6,0\text{ m}$

Chi tiết mặt cắt ngang: MC 8-8 có chỉ giới $8,5\text{m}$ gồm các thành phần như sau:

- Mặt đường: $5,5\text{m}$.
- Hè đường: $3,0\text{m}$

Chi tiết mặt cắt ngang: MC 9-9 có chỉ giới $5,5\text{m}$ gồm các thành phần như sau:

- Mặt đường: $5,5\text{m}$.
- Vía hè các tuyến đường lát gạch phục vụ người đi bộ, ngoài ra kết hợp bố trí đèn chiếu sáng, trồng cây xanh và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

Điều 9. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật

* Giao thông: Hành lang an toàn đường bộ được quy định theo Điều 14, Điều 15 của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

* Cấp nước: Độ sâu đặt đường ống cấp nước tối thiểu $0,3\text{m}$ tính từ mặt vỉa hè và $0,5\text{m}$ từ mặt đường đến đỉnh ống cấp nước.

* Cấp điện: Cấp cáp điện hạ áp và chiếu sáng được chôn ngầm ở độ sâu $0,7\text{m}$ so với mặt vỉa hè, có băng và sứ bảo cáp.

* Viễn thông: Độ sâu chôn ống luồn cáp thông tin liên lạc tối thiểu từ mặt đường (vĩa hè) đến mép trên của ống luồn cáp: đối với ống đi trên vĩa hè là 0,3m; đối với ống đi dưới lòng đường là 0,5m.

* Thoát nước mưa và thoát nước thải: Độ sâu chôn cống thoát nước tối thiểu từ mặt đường (vĩa hè) đến mép trên của ống luồn cáp: đối với ống đi trên vĩa hè là 0,3m; đối với ống đi dưới lòng đường là 0,5m.

Điều 10. Các quy định về bảo tồn, tôn tạo, cải tạo và chỉnh trang công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan

Trong khu vực nghiên cứu quy hoạch không có các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan.

Điều 11. Yêu cầu, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Để đảm bảo an toàn sức khỏe, duy trì vẻ mỹ quan, vệ sinh môi trường và chất lượng cuộc sống cũng như nâng cao giá trị khu nhà ở, các chủ căn hộ và các cư dân khác trong bất kỳ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào dưới đây không được phép:

- Nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực tài sản riêng làm ảnh hưởng tới trật tự, mỹ quan và môi trường sống của cư dân khác và khu vực công cộng. Nếu nuôi vật cảnh phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Xả rác, bụi đất, các đồ dơ bẩn, các thứ bỏ đi hay bất kỳ đồ vật gì tương tự ra xung quanh khu vực thuộc tài sản chung làm ảnh hưởng tới việc sử dụng bình thường của cư dân khác. Khi đi đổ rác tại nơi quy định nếu để rơi ra xung quanh các công trình tiện ích công cộng thì các cư dân đó phải có trách nhiệm quét dọn sạch ngay.

- Phơi vải vóc, quần áo, chăn màn hoặc bất kỳ đồ dùng, vật dụng khác tương tự ra khu vực chung làm mất mỹ quan cho khu vực.

- Để những mùi bất thường, khó chịu, hôi thối phát ra hoặc lan tỏa từ căn hộ của mình mà có thể gây phiền hà cho các cư dân khác.

- Lắp đặt đĩa ăng ten hoặc các thiết bị khác để nhận các tín hiệu truyền hình, truyền dữ liệu thông qua vệ tinh một cách bất hợp pháp.

- Sử dụng hoặc chứa trong căn hộ của mình bất kỳ hóa chất, chất lỏng dễ cháy nổ hoặc các vật liệu dễ cháy khác, trừ các hóa chất, chất lỏng gas, hoặc các vật liệu khác được sử dụng cho các mục đích gia đình hoặc chứa trong bình xăng xe hoặc máy móc.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái với các quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 13: Các trường hợp vi phạm các điều khoản tại quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy tố theo quy định của pháp luật hiện hành

Điều 14: Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, tỷ lệ 1/500 và bản Quy định này được ấn hành và lưu giữ tại các nơi dưới đây để nhân dân biết và thực hiện:

- UBND huyện Ninh Giang;
- UBND xã Hiệp Lực./.